TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 4 -2021
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Giang.
2. Ông Siu Tơ Lul

Thư ký phiên tòa*:* Bà Cao Thị Hồng Hạnh, cán bộ Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Đường T, thôn T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C qua thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2016 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống chị T cảm thấy không có hạnh phúc, anh Nguyễn Văn C không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, từ đó vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn. Chị và anh Nguyễn Văn C đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay không còn ai quan tâm tới nhau nữa. Nay tình cảm yêu thương vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 16/4/2016. Khi ly hôn, chị muốn được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ccấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Nguyễn Văn C đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà, anh Nguyễn Văn C tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C; Giao Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 16/4/2016 cho chị Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; Buộc chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 21/10/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn khởi kiện "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* với bị đơn anh Nguyễn Văn C và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị T đúng quy định, anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại đường T, thôn T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn C là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Qua lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thùy T thì trong quá trình chung sống, giữa chị và anh Nguyễn Văn C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có sự bất đồng về quan điểm sống, thường nảy sinh tranh cãi nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh Nguyễn Văn C không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, từ đó vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Do anh Nguyễn Văn C không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể làm rõ những mâu thuẫn hôn nhân của anh chị như lời chị Nguyễn Thị Thùy T đã trình bày. Việc anh Nguyễn Văn C vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có ý thức hàn gắn những mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/01/2020, gia đình của anh Nguyễn Văn C cho biết chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn C hiện đã không chung sống với nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay, nguyên nhân là do anh C không chịu lo làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, chị T từ đó chán nản mà bỏ về nhà mẹ đẻ.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên chị T rút đơn khởi kiện xin ly hôn để quay về đoàn tụ với anh C nhưng chị T kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với lý do vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn từ lâu, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, bản thân chị T hiện không còn tình cảm với anh C.

Xét mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn C là có thật, vợ chồng đã không sống chung với nhau một thời gian, chị T không còn tình cảm yêu thương anh C nên kiên quyết xin ly hôn. Điều này thể hiện đời sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, nếu sống chung cũng không hạnh phúc. Anh Nguyễn Văn C không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không tham gia các phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có điều kiện để hòa giải, động viên anh chị quay về đoàn tụ. Do đó, căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh C.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 16/4/2016, hiện nay cháu đang ở

với chị T. Khi ly hôn, chị T muốn được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N, không yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng nuôi con.

Phòng Lao động -Thương binh xã hội huyện Chư Sê có ý kiến: Hiện nay, cháu Nguyễn Ngọc Bảo N đang sinh sống ổn định với chị T nên giao cháu Ncho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu. Hội đồng xét xử cũng thấy rằng việc thay đổi môi trường sống của cháu N là không cần thiết, nên chấp nhận giao cháu cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí lệ phí kèm theo NghịQuyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 16/4/2016 cho chị Nguyễn Thị Thùy T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng*(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003033 ngày 29/10/2020 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn là có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND TT. S, H.S, T. Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Bùi Thị Dậu